

Bản án số: 37/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 13/11/2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Tân

Bà Lê Thị Thủy

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Phi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- **Đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa:** Bà Mai Thị Xuyên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình, thụ lý số 31/2024/TLPT-HNGĐ ngày 01/10/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 110/2024/HNGĐ-ST ngày 19/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 26/2024/QĐ-PT ngày 17/10/2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1995

Nơi ĐKKHKT: Thôn N, xã T, huyện L, Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Thôn L, xã T, huyện C, Thanh Hóa.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho chị T: Luật sư Lê Đình Chinh, Công ty Luật We Win, chi nhánh số 1- Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

2. **Bị đơn:** Anh Phạm Duy S, sinh năm 1996

Trú tại: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Thanh Hóa.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho anh S: Luật sư Trương Minh Thọ, Văn phòng Luật sư Tấn Phương - Đoàn Luật sư tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt: Chị T, vắng mặt anh S (đã có đơn đề nghị xử vắng mặt); có mặt Luật sư của hai bên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 12/6/2024 và bản tự khai ngày 20/6/2024 và quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Duy S tự nguyện chung sống và tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương từ năm 2015, sau khi cưới nhau thì anh S phạm tội về ma túy nên bị đi tù 02 năm, đến tháng 10 năm 2015 thì chị T sinh con, trong thời gian nuôi con anh S không có mặt ở nhà, chị vẫn sống chung cùng bố mẹ anh S tại xã T. Năm 2017 anh S chấp hành xong án phạt tù thì chị và anh S mới làm thủ tục đăng ký kết hôn vào ngày 09/9/2017. Từ khi anh S trở về địa phương, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh S vẫn nghiện ma túy, có tính hay ghen tuông mặc dù chị không có tình cảm với ai ngoài anh S, vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã xung đột. Bên cạnh đó thì bố mẹ anh S cũng đã bị kết án về tội ma túy. Do cuộc sống vợ chồng không còn tình cảm nên chị và anh S đã sống ly thân từ tháng 6/2022 đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Duy S.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Duy Minh Nhật, sinh ngày 09/10/2015. Ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Duy Minh Nhật và không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Lý do và nguyện vọng chị muốn nuôi con là vì anh S vẫn nghiện ma túy, môi trường xung quanh hàng xóm có nhiều người nghiện, bom kim tiêm vứt rải rác bừa bãi gần nhà nên chị không muốn cháu Phạm Duy Minh Nhật sống trong môi trường có tiềm ẩn rủi ro.

Về điều kiện thu nhập: Hiện nay chị đang làm lao động tại Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Hoàng Thành, có địa chỉ tại 66 đường Hồng Tiến, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Hợp đồng lao động được ký từ ngày 01/02/2022, mức thu nhập của chị hàng tháng là 09 triệu đồng, ngoài ra chị còn đi làm thêm ngoài nên mức thu nhập của chị cũng ổn định. Về nơi ăn ở, do điều kiện làm ăn nên trước mắt chị đang thuê nhà, còn khi ly hôn thì bố mẹ chị đang làm thủ tục tặng cho Quyền sử dụng đất để chị xây nhà lâu dài.

- Về tài sản công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản và công nợ chung nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn: Tại bản tự khai ngày 20/6/2024 và biên bản hòa giải anh Phạm Duy S trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2015 anh và chị Nguyễn Thị T tự nguyện làm đám cưới với nhau nhưng đến năm 2017 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Thành Lộc,

huyện Hậu Lộc. Lý do chậm đăng ký kết hôn anh S thừa nhận, vào tháng 7 năm 2015 anh bị kết án về tội ma túy, thời gian chấp hành là 02 năm, đến năm 2017 anh mới chấp hành xong nên vợ chồng mới làm thủ tục đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn anh đi làm tại Công ty vận tải tàu biển Newsun với công việc là Sỹ quan vận hành boong, thời gian làm việc trên tàu khoảng 08 tháng liên tục/năm. Trong thời gian anh S đi làm ăn xa, anh có nghe nhiều người khác nói lại với anh, chị T đi làm công ty có tình cảm với người khác nên tình cảm vợ chồng không còn hòa thuận, hạnh phúc dẫn đến bất đồng quan điểm sống. Đến tháng 5 năm 2022 chị T bỏ đi làm xa để lại con cho anh nuôi dưỡng. Nay chị T có đơn xin ly hôn thì anh S cũng đồng ý. Hiện tại anh S đã xuống tàu làm việc nên trước khi đi anh đã làm đơn xin xét xử vắng mặt.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị T trình bày, hiện nay cháu Phạm Duy Minh Nhật đang ở cùng anh và ông bà nội tại thôn Thành Ninh, xã Thành Lộc, kể từ khi vợ chồng ly thân. Nay ly hôn, anh S có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Duy Minh Nhật và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Để bảo đảm quyền nuôi con anh S đã cung cấp mức thu nhập hàng tháng tại Công ty nơi anh làm việc.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh ngày 25/6/2024, cán bộ thôn Thành Ninh, xã Thành Lộc nơi anh S, chị T sinh sống cho biết: chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Duy S có một con chung, sau khi kết hôn vợ chồng sống chung cùng gia đình anh S tại thôn Thành Ninh, xã Thành Lộc nhưng thời gian sau thôn có nghe nói chị T đã về nhà ngoại ở tại thôn Thuận Lương, xã Cẩm Tú, huyện Cẩm Thủy, còn cháu Nhật ở cùng bố và ông bà nội chăm sóc, địa phương và thôn cho biết anh S từng đi tù vì án ma túy, còn nguyên nhân mâu thuẫn thì thôn không nắm bắt được thông tin.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 110/2024/HNGĐ-ST ngày 19/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 14, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Phạm Duy S.

Về con chung: Công nhận cháu Phạm Duy Minh Nhật, sinh ngày 09/10/2015 là con chung của anh S và chị T. Giao cho chị T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Duy Minh Nhật. Anh S không phải cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng do chị T tự nguyện không yêu cầu. Sau khi ly hôn anh S có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, chị T và người thân không ai được phép cản trở.

Về tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xử sơ thẩm, ngày 30/8/2024 anh Phạm Duy S có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm về phần giao nuôi con chung, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết giao cháu Phạm Duy Minh Nhật sinh ngày 09/10/2015 cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Bởi vì, hiện nay anh đã ra tù và đã nghiện ma túy, thu nhập cao, cháu do ông bà nội đang nuôi, trong khi chị T làm ở Hà Nội phải thuê nhà ở, không đủ điều kiện nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh S giữ nguyên nội dung kháng cáo; các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Quan điểm của Luật sư bảo vệ cho chị T: đề nghị không chấp nhận kháng cáo không hợp lệ vì anh S không phải người trực tiếp gửi và nộp tạm ứng án phí; đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm giao cháu Nhật cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Quan điểm của Luật sư bảo vệ cho anh S: đề nghị giao con cho anh S nuôi vì hiện tại anh đã ký hợp đồng đi làm tại công ty ở Thanh Hóa, thu nhập ổn định nên anh có điều kiện nuôi con hơn chị T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của anh S. Đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 1 Điều 308; Khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nghị Quyết 326/UBTVQH ngày 31/12/2016 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, không chấp nhận kháng cáo của anh S, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 110/2024/HNGĐ-ST ngày 19/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Phạm Duy S gửi trong thời hạn quy định, hợp lệ được chấp nhận giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của anh Phạm Duy S với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết giao cháu Phạm Duy Minh Nhật, sinh ngày 09/10/2015 cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung thì thấy rằng:

Chị T và anh S đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi con là chính đáng, đó là quyền và cũng là nghĩa vụ của cha mẹ trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đối với con chưa thành niên. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi phải trên cơ sở đảm bảo quyền lợi về mọi mặt từ vật chất đến tinh thần cho cháu có thể phát triển một cách tốt nhất. Cháu Minh Nhật hiện nay mới 10 tuổi đang học lớp 4, tâm sinh lý chưa ổn định nên khi ở với chị T thì trình bày nguyện vọng muốn ở với mẹ, khi ở với anh S thì trình bày muốn ở với bố.

Quá trình giải quyết vụ án, chị T cung cấp bảng lương thu nhập hàng tháng của chị tại cơ sở lao động nơi làm việc với mức thu nhập là 9.000.000 đồng/tháng, mức thu nhập này tuy còn thấp so với anh S nhưng là thu nhập ổn định, đủ để chị T bảo đảm cuộc sống bình thường của chị và cháu Nhật. Anh S cung cấp bảng lương thu nhập hàng tháng với mức thu nhập là 40.527.333 đồng, tuy nhiên theo anh S trình bày công việc của anh là sĩ quan điều hành boong, thời gian làm việc liên tục khoảng 08 tháng/năm, trong 08 tháng này anh S phải làm việc trên tàu liên tục mà không có thời gian trở về nhà. Điều này cho thấy anh S không thể trực tiếp chăm sóc, giáo dục cháu Minh Nhật, nếu giao cho anh S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng thì sẽ không bảo đảm thời gian tối thiểu để trực tiếp trông nom, chăm sóc con, trong khi phần lớn thời gian cháu Minh Nhật ở nhà là do ông bà nội đưa đón chăm sóc. Trong khi, chị T có công việc với mức thu nhập ổn định, chỉ làm việc vào giờ hành chính nên có thời gian gần gũi, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nhật và có điều kiện môi trường thuận lợi hơn về việc trực tiếp nuôi con.

Căn cứ vào hoàn cảnh thực tế và điều kiện nuôi con của các đương sự, Tòa án sơ thẩm đã giao cháu Minh Nhật cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và bảo đảm quyền lợi cho cháu.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Luật sư bảo vệ cho anh S cung cấp giấy cháu Nhật xin ở với bố (không đề ngày, tháng) và Hợp đồng lao động ngày 20/9/2024, anh S ký với công ty thương mại Tiến Long An ở xã Thuận Lộc, huyện Hậu Lộc tỉnh Thanh Hóa, công việc cho thuê phòng rạp, mức lương

9.000.000đ/tháng. Hợp đồng có chữ ký của anh S và chữ ký đóng dấu của Giám đốc công ty, không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền. Luật sư không cung cấp được bảng lương hàng tháng của anh S và không biết anh S đã đi làm ở công ty này chưa, theo Luật sư thì hiện nay anh S đang đi tàu để bàn giao công việc. Như vậy, chứng cứ anh S đi làm ở công ty thương mại Tiến Long An là chưa đủ căn cứ chứng minh.

Xét quan điểm Luật sư bảo vệ cho chị T cho rằng: về tố tụng: anh S không phải là người nộp đơn và nộp tạm ứng án phí cho Tòa án nên kháng cáo không hợp lệ và không được chấp nhận, thì thấy rằng anh S đang đi tàu nên đã viết đơn kháng cáo gửi về nhờ chị Hồng nộp cho Tòa án và nhờ chị Hồng nộp tạm ứng án phí, sau đó anh S đã có đơn đề nghị xử vắng mặt và nhờ Luật sư bảo vệ quyền lợi cho anh tại tòa để được quyền nuôi con. Như vậy, việc anh S kháng cáo là thực tế, được chấp nhận để xem xét.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị T cung cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DQ 467980 mang tên chị Nguyễn Thị T do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Cẩm Thủy cấp ngày 25/10/2024 - địa chỉ thửa đất: Thôn Thuận Lương, xã Cẩm Tú, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa và Giấy cháu Nhật viết tại trường tiểu học của cháu đang học ngày 12/11/2024 là xin được ở với mẹ. Chị T cho rằng sau khi tòa xử chị sẽ về Thanh Hóa làm việc, làm nhà ở và trực tiếp nuôi con.

Ngoài ra, chị T còn xuất trình xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Thành Lộc, huyện Hậu Lộc với nội dung: anh S và bố mẹ anh S đều đã bị Tòa án xử về tội ma túy, anh S không có mặt tại địa phương từ tháng 8/2024 đến nay.

Như vậy, việc giao con cho anh S nuôi là không đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho cháu.

Từ những phân tích nêu trên, kháng cáo xin được nuôi cháu Minh Nhật của anh S không có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của anh S, cần giữ nguyên án sơ thẩm là phù hợp.

[3] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của anh S không được chấp nhận nên chị phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 điều 308; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân gia đình. Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số

326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Duy S, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 110/2024/HNGĐ-ST ngày 19/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa về phần giao nuôi con chung:

Giao cháu Phạm Duy Minh Nhật, sinh ngày 09/10/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh S không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung; anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

2. Về án phí phúc thẩm: Anh Phạm Duy S phải nộp 300.000đ, đã nộp đủ tại biên lai thu số 0003369, ngày 13/9/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án xử công khai phúc thẩm, có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa (P9);
- Tòa án ND huyện Hậu Lộc;
- Chi cục THADS huyện Hậu Lộc;
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Nga